TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/HC-ST

Ngày: 20 - 7 - 2020

V/v khiếu kiện quyết định xử lý vi phạm hành chính về trật tự xây dựng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Lương Tiến Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Phong Ba,

Bà Hà Thị Vũ.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Lan Hương, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Kiểm - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2019/TLST-HC ngày 10 tháng 12 năm 2019 về việc: "*Khiếu kiện quyết định xử lý vi phạm hành chính về trật tự xây dựng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2020/QĐXXST-HC ngày 11 tháng 6 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2020/QĐST-HC ngày 30/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Lê Thị D, sinh năm 1953; địa chỉ: Tổ dân phố 06 (nay tổ dân phố 03), phường A, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Vũ Hoàng T, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ dân phố 01, phường B, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (Theo văn bản ủy quyền ngày 11/12/2019), có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện bà Lê Thị D: Ông Đặng Văn C, Luật sư Văn phòng Luật sư C; địa chỉ: Số 65B, phố D, phường Q, quận Đ, thành phố Hà Nội, có mặt.

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

Địa chỉ trụ sở: Tổ dân phố 10, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức Đ, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn S, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (Theo văn bản số 1838/UBND-VP ngày 25/12/2019), vắng mặt.

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Vũ Tiến H và bà Nguyễn Thị H, cùng địa chỉ: Số nhà 11, tổ dân phố 05, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, đều vắng mặt.

3.2. Ông Vũ Ngọc T; địa chỉ: Tổ dân phố 06, phường a, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Hoàng T, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ dân phố 01, phường b, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (Theo văn bản ủy quyền ngày 11/12/2019), có mặt.

3.3. Ông Vũ Xuân X; địa chỉ: Số nhà 52, tổ dân phố 09, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt.

3.4. Công ty Cổ phần chế biến nông sản Điện Biên; địa chỉ trụ sở: Tổ dân phố 03, phường A, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức T, chức vụ: Giám đốc Công ty Cổ phần chế biến nông sản Điện Biên, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện; đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện; quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Vũ Hoàng T trình bày:

Ngày 27/3/2001, ông Vũ Tiến H được Công ty cây công nghiệp Điện Biên nay là Công ty Cổ phần chế biến nông sản Điện Biên (sau đây viết tắt là: Công ty) giao khoán đất để trồng cà phê với diện tích đất là 0,24 ha, thuộc khu vực Đội 4 Công ty, thời gian giao khoán đất là 50 năm, kể từ ngày 01/7/1995 (tính từ ngày giao khoán đất cho ông L ngày 01/7/1995), theo *Hợp đồng khoán đất trồng cây lâu năm số 78/HĐK-CTCCN* (sau đây viết tắt là: Hợp đồng số 78) ký kết giữa: Bên giao khoán là Công ty do Giám đốc Bùi Đ ký, với bên nhận khoán là ông Vũ Tiến H.

Trong quá trình sử dụng đất, ngày 05/11/2013, ông Vũ Tiến H và bà Lê Thị D, ông Vũ Ngọc T lập *giấy giao lại quyền tiếp tục sử dụng hợp đồng trồng cây lâu năm*, theo đó: Ông H chuyển nhượng lại quyền sử dụng 518m^2 đất nằm trong diện tích 0,24ha đất thuê khoán của Công ty cho bà D, ông T với giá trị là 777.000.000đồng. Sau khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là: CNQSDĐ) từ ông H, bà D đã xây dựng nhà trên đất và quản lý, sử dụng thửa đất trên không có tranh chấp với ai và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính với Nhà nước.

Ngày 24/01/2019, Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là: UBND) thành phố Đ, tỉnh Điện Biên ban hành *Thông báo số 103/TB-UBND về việc thực hiện tự tháo dỡ công trình xây dựng trên đất thuê của nhà nước (lần 01)* với nội dung yêu cầu gia đình ông Vũ Xuân X tự tháo dỡ công trình đã xây dựng tại khu đất thuộc tổ dân phố 05, phường T, thành phố Đ để bàn giao mặt bằng cho dự án khu đô thị mới E. Thời gian tự thực hiện tháo dỡ 15 ngày kể từ ngày gửi thông báo. Do ông X không thực hiện thông báo trên, ngày 19/02/2019, UBND thành phố Đ tiếp tục ban hành *Thông báo số 189/TB-UBND về việc thực hiện tự tháo dỡ công trình, xây dựng trên đất thuê của Nhà nước (lần 02)* đối với ông X, nội dung thông báo tiếp tục yêu cầu ông X thực hiện việc tháo dỡ công trình xây dựng trên đất, thời gian thực hiện tháo dỡ là 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo. Nhận thấy, tài sản bị yêu cầu tháo dỡ không phải của ông Vũ Xuân X, ngày 18/3/2019, bà Lê Thị D và ông Vũ Ngọc T làm đơn khiếu nại đề nghị UBND thành phố Đ xem xét lại các thông báo trên.

Ngày 28/8/2019, Chủ tịch UBND thành phố Đ ban hành *Quyết định số 1055/QĐ-UBND ngày 28/8/2019 về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị D và ông Vũ Ngọc T tổ dân phố 5, phường T, thành phố Đ (lần đầu)* (sau đây viết tắt là: Quyết định số 1055), với nội dung: Giữ nguyên nội dung Thông báo số 103/TB-UBND và Thông báo số 189/TB-UBND của UBND thành phố Đ. Không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thành phố Đ, bà D, ông T tiếp tục khiếu nại đến các cơ quan khác nhưng không được xem xét, giải quyết.

Ngày 12/9/2019, Phó Chủ tịch UBND thành phố Đ ban hành *Quyết định số 23/QĐ-KPHQ về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả* (sau đây viết tắt là: Quyết định số 23) với nội dung: Tháo dỡ công trình xây dựng vi phạm của bà Lê Thị D, tại tổ dân phố 05, phường T, thành phố Đ với lý do: Bà Lê Thị D đã tổ chức thi công xây dựng công trình (nhà ở riêng lẻ tại đô thị) không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có giấy phép xây dựng nhà ở trên đất nông nghiệp làm ảnh hưởng đến việc giải phóng mặt bằng khu đô thị mới E. Thời gian thực hiện 10 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định.

Sau thời hạn 10 ngày, bà D không tự nguyện tháo dỡ công trình trên đất mà làm đơn đến các cơ quan có thẩm quyền nhưng không được giải quyết.

Ngày 14/10/2019, gia đình bà D nhận được *Quyết định số 29/QĐ-CCKPHQ ngày 29/10/2019 của Chủ tịch UBND thành phố Đ, tỉnh Điện Biên về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả*. Ngày 18/10/2019, bà D nhận được *Văn bản số 30/QĐ-HBCCKPHQ ngày 18/10/2019 của UBND thành phố Đ về việc hủy bỏ Quyết định số 29/QĐ-CCKPHQ ngày 29/10/2019 của Chủ tịch UBND thành phố Đ, tỉnh Điện Biên*, đồng thời, bà D nhận được *Quyết định số 29/QĐ-CCKPHQ ngày 09/10/2019 của Chủ tịch UBND thành phố Đ về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả* (sau đây viết tắt là: Quyết định số 29) với nội dung: Tháo dỡ công trình xây dựng vi phạm (nhà ở riêng lẻ tại đô thị) của bà Lê Thị D, tại tổ dân phố 05, phường T, thành phố Đ với lý do: Bà Lê Thị D đã tổ chức thi công xây dựng công trình

(nhà ở riêng lẻ tại đô thị) không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có giấy phép, xây dựng nhà ở trên đất nông nghiệp đã được quy hoạch làm khu đô thị, làm ảnh hưởng đến việc giải phóng mặt bằng khu đô thị mới E.

Không đồng ý với nội dung các quyết định trên, ngày 10/12/2019, bà Lê Thị D làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân (sau đây viết tắt là: TAND) tỉnh Điện Biên xem xét hủy các Quyết định sau:

- Quyết định số 1055 của Chủ tịch UBND thành phố Đ về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị D và ông Vũ Ngọc T tổ dân phố 05, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (lần đầu);

- Quyết định số 23 của Phó Chủ tịch UBND thành phố Đ về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả;

- Quyết định số 29 của Chủ tịch UBND thành phố Đ về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

Với những lý do: Chủ tịch UBND thành phố cho rằng gia đình nhà bà D xây dựng công trình không phép là không có căn cứ. Bởi vì, gia đình bà D xây dựng nhà ở từ năm 2013 công khai, ngay tình. Thời điểm năm 2013, khi gia đình bà D xây dựng công trình trên đất các cơ quan chức năng tại địa phương không có thông báo hay có hành vi nào ngăn chặn hay xử phạt hành chính đối với gia đình bà D, cho đến năm 2018 gia đình bà D mới nhận được các thông báo đề nghị tháo dỡ công trình của UBND thành phố Đ.

Theo Quyết định số 23, Phó Chủ tịch UBND thành phố Đ căn cứ *Biên bản vi phạm hành chính số 08/BB-VPHC ngày 04/5/2019* (sau đây viết tắt là: BBVPHC). Tuy nhiên, gia đình bà D không biết và không được ký tên trong BBVPHC. Ngoài ra, tại các Thông báo yêu cầu tự tháo dỡ công trình trên đất UBND thành phố Đ đã ghi không đúng tên người sử dụng đất và chủ tài sản trên đất. Tài sản thuộc sở hữu của gia đình bà D nhưng UBND thành phố Đ lại yêu cầu ông Vũ Xuân X thực hiện tháo dỡ, gia đình bà D không biết ông X là ai. Nội dung thông báo của UBND thành phố Đ đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà D.

Việc UBND thành phố Đ cho rằng công trình xây dựng nhà ở của gia đình bà D ảnh hưởng đến việc giải phóng mặt bằng khu đô thị mới E là không có căn cứ, không đúng quy định của pháp luật. Hiện nay, các hộ dân trên địa bàn tổ dân phố 05, phường T đều có chung mục đích sử dụng đất (đất trồng cây lâu năm), cùng nằm trong cùng một dự án nhưng UBND thành phố Đ chỉ thông báo tháo dỡ và quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả cho một số hộ là không khách quan.

Tại văn bản số: 1904/UBND-TP ngày 31/12/2019 của UBND thành phố Đ trình bày ý kiến đối với yêu cầu của người khởi kiện như sau:

Việc bà Lê Thị D yêu cầu TAND tỉnh Điện Biên hủy Quyết định số 23, Quyết định số 29 và Quyết định số 1055 là không có căn cứ, Chủ tịch UBND thành phố Đ, tỉnh Điện Biên ban hành các Quyết định trên là đúng quy định của

Luật xử lý vi phạm hành chính, Luật khiếu nại và các văn bản hướng dẫn thi hành, cụ thể:

** Đối với việc ban hành quyết định xử lý vi phạm hành chính*:

Năm 2013, bà Lê Thị D đã tổ chức thi công xây dựng công trình nhà ở riêng lẻ tại đô thị không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có giấy phép, xây dựng nhà ở trên đất nông nghiệp đã được quy hoạch làm khu đô thị làm ảnh hưởng đến việc giải phóng mặt bằng khu đô thị mới E. Vi phạm điểm b khoản 5 Điều 15 của Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng....và công sở; khoản 2 Điều 45 của Luật xây dựng năm 2014.

Ngày 27/12/2016, gia đình bà Lê Thị D (ông Vũ Xuân X thuê) đã bị Đoàn kiểm tra liên ngành Sở xây dựng lập Biên bản số 05/BBKT-ĐLN về công tác quản lý trật tự xây dựng đô thị trên địa bàn phường T, trong biên bản xác định rõ công trình xây dựng không có giấy phép xây dựng.

Hồi 09 giờ 17 phút, ngày 03/5/2019, Đội quản lý trật tự đô thị thành phố Đ do ông Tòng Văn I - Viên chức Đội trật tự đô thị thành phố đã tiến hành lập BBVPHC đối với bà Lê Thị D trú tại tổ 05, phường T, thành phố Đ về hành vi vi phạm hành chính tổ chức thi công xây dựng công trình không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có giấy phép xây dựng, tổng diện tích là 143,21m^2, công trình kết thúc năm 2013.

Căn cứ điểm c, khoản 1 Điều 65 của Luật xử lý vi phạm hành chính (sau đây viết tắt là: XLVPHC) thì thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Lê Thị D đã hết theo quy định tại Điều 6 của Luật XLVPHC. Để khắc phục hậu quả do hành vi tổ chức thi công xây dựng công trình nhà ở riêng lẻ tại đô thị không có giấy phép xây dựng của bà Lê Thị D, Chủ tịch UBND thành phố Đ căn cứ điểm b khoản 2 Điều 28 của Luật XLVPHC quy định nguyên tắc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả độc lập để ban hành Quyết định số 23 theo quy định tại khoản 2 Điều 65 của Luật XLVPHC. Trong quyết định, UBND thành phố Đ yêu cầu bà Lê Thị D thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả:

- Tháo dỡ công trình xây dựng vi phạm của bà Lê Thị D, tại tổ dân phố 05, phường T, thành phố Đ.

- Thời gian thực hiện: 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định này.

Hết thời hạn thi hành biện pháp khắc phục hậu quả trong Quyết định số 23, bà D không thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 85 của Luật XLVPHC. Để đảm bảo thi hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 23, Chủ tịch UBND thành phố Đ đã căn cứ Điều 28, Điều 86, Điều 87 của Luật XLVPHC và Điều 33 của Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính để ban hành Quyết định số 29 ngày 09/10/2019 về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

** Đối với việc ban hành quyết định giải quyết khiếu nại.*

Sau khi nhận được đơn khiếu nại của bà Lê Thị D, căn cứ Điều 27 của Luật khiếu nại, UBND thành phố Đ đã ban hành *Thông báo số 431/TB-UBND ngày 01/4/2019 về việc thụ lý giải quyết đơn khiếu nại lần đầu đối với bà D, ông T* và ban hành *Quyết định số 359/QĐ-UBND ngày 01/4/2019 về việc giao nhiệm vụ xác minh nội dung khiếu nại của công dân*. Căn cứ Điều 29 của Luật Khiếu nại cơ quan được giao nhiệm vụ đã có *Báo cáo số 16/BC-QLĐT ngày 28/6/2019 báo cáo kết quả xác minh nội dung khiếu nại*, ngày 23/8/2019, căn cứ Điều 30 Luật khiếu nại đồng chí Phạm Văn S - Phó Chủ tịch UBND thành phố Đ được ủy quyền đã tổ chức đối thoại với bà Lê Thị D. Ngày 28/8/2019, căn cứ Điều 31 của Luật Khiếu nại Chủ tịch UBND thành phố Đ đã ban hành Quyết định số 1055 về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị D, ông Vũ Ngọc T lần đầu. Bà Lê Thị D đã nhận quyết định giải quyết khiếu nại.

Như vậy, Chủ tịch UBND thành phố Đ giữ nguyên các quyết định hành chính bị khởi kiện, đề nghị TAND tỉnh Điện Biên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị D.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 11/3/2020 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Vũ Tiến H trình bày:

Ngày 01/01/2000, ông H nhận khoán 0,24 ha đất của Công ty để trồng cây cà phê. Nguồn gốc đất nhận khoán là do ông Phạm Ngọc L nhận khoán từ ngày 01/7/1995, sau đó, ông L chuyển nhượng cho ông H. Việc chuyển nhượng này được sự cho phép của Công ty (thể hiện tại hợp đồng số 78 giữa Công ty với ông H), thời hạn giao khoán 50 năm. Khi nhận đất giao khoán từ năm 2000 đến năm 2013 ông H vẫn trồng cây cà phê, hàng năm nộp sản bằng tiền cho Công ty theo giá trị sản lượng trên diện tích đất nhận khoán (vì công ty không bao tiêu sản phẩm). Sau đó ông H đã xin phép xây một ngôi nhà nhỏ, làm chuồng trại để chăn nuôi gà.

Vào ngày 05/11/2013, ông H chuyển nhượng 518m^2 đất cho bà Lê Thị D và ông Vũ Ngọc T, với tổng giá trị là 777.000.000đồng, nhưng không xin phép Công ty. Trước khi chuyển nhượng ông H có nói với bà D về mục đích sử dụng đất, đồng thời, bà D không được phép chuyển nhượng đất và xây dựng nhà ở trên đất. Khi giao nhận đất hai bên đã bàn giao mốc giới và trên đất không có nhà ở, công trình xây dựng nào. Sau khi nhận chuyển nhượng từ ông H, bà D không trồng cây cà phê mà xây dựng nhà trên đất. Trong quá trình sử dụng đất ông H không thấy có Đoàn kiểm tra liên ngành nào đến kiểm tra về quá trình sử dụng đất của ông.

Ý kiến của bà Nguyễn Thị H ngày 19/3/2020 như sau: Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình khác bà D và chồng bà đều thống nhất ý kiến. Khi chuyển nhượng bà và ông H cũng đã nói rõ ràng về quyền và nghĩa vụ, rủi ro với các hộ nhận chuyển nhượng nhưng các hộ này vẫn đồng ý ký hợp đồng. Các lời khai của ông H về quá trình nhận khoán và chuyển nhượng bà hoàn toàn nhất trí. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà D, bà H đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên giải quyết theo pháp luật.

Tại công văn số 18/CV-CPCBNS ngày 17/3/2020 người có quyền lợi và

nghĩa vụ liên quan Công ty cây công nghiệp Điện Biên (nay là Công ty Cổ phần chế biến nông sản Điện Biên) có ý kiến như sau:

Ông Vũ Tiến H không phải là công nhân của Công ty, ngày 01/01/2000 ông H được Công ty cho phép nhận khoán đất để trồng cà phê (tại Hợp đồng số 78 giữa: Bên giao khoán là Công ty với bên nhận khoán là ông Vũ Tiến H). Từ năm 2010 đến năm 2014 việc giao nộp nghĩa vụ trên đất nhận khoán ông H, bà H vẫn thực hiện nộp tiền đầy đủ. Công ty có nắm được việc tự ý chuyển nhượng đất nhận khoán trồng cà phê của ông H và các hộ nhận khoán khác. Việc tự ý chặt cây cà phê để xây dựng các công trình trên đất nhận khoán, Công ty đã tiến hành kiểm tra, xác định và quy trách nhiệm cho chủ hộ nhận khoán là ông Vũ Tiến H. Theo các điều khoản trong Hợp đồng thì ông H không được tự ý chuyển nhượng đất nhận khoán khi chưa được sự đồng ý của giám đốc Công ty.

Việc bà Lê Thị D tự ý chặt cây cà phê để xây dựng công trình trên đất thuộc Công ty quản lý đối với các hộ nhận khoán, Công ty đã tiến hành kiểm tra và xác định vi phạm, quy trách nhiệm với chủ hộ nhận khoán ông H. Vì Công ty không có chứng cứ xác định việc mua bán giữa ông H với bà D, ông T, Công ty không có cơ sở nào để kiểm tra hay xử lý sự việc liên quan đến việc vi phạm Hợp đồng khoán đối với tổ chức, cá nhân, hộ gia đình không ký kết hợp đồng khoán với Công ty. Khi Công ty phát hiện có việc tự ý chặt cây cà phê để xây dựng nhà ở trên đất Công ty đã giao khoán cho ông H, Công ty đã kiểm tra, xử lý đối với ông H và báo cáo tình trạng vi phạm chung của các hộ nhận khoán với UBND tỉnh Điện Biên và các Sở, Ngành liên quan đề nghị giải quyết. Năm 2014, Công ty đã chuyển giao đất và toàn bộ hồ sơ, tài liệu về giao khoán, quản lý đất giao khoán tại phường T cho UBND thành phố Đ.

Tại Bản tự khai ngày 22/5/2020 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ Ngọc T khai:

Gia đình ông T, bà D là chủ sử dụng hợp pháp của thửa đất tại địa chỉ tổ dân phố 5, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Nguồn gốc thửa đất do ông Vũ Tiến H được Công ty giao khoán theo Hợp đồng số 78, thời hạn giao khoán là 50 năm. Năm 2013, ông H giao lại quyền sử dụng 518m^2 đất trong tổng diện tích 0,24 ha đất thuê khoán của Công ty cho gia đình ông. Sau khi nhận đất gia đình ông T, bà D đã trực tiếp quản lý, sử dụng đất trên không có tranh chấp với ai. Trong quá trình sử dụng đất gia đình ông nhận được các quyết định hành chính của UBND thành phố Đ bao gồm Quyết định số 23, Quyết định số 29. Ông T không đồng ý với nội dung của các quyết định trên, bởi vì: Chủ tịch UBND thành phố cho rằng gia đình ông T, bà D xây dựng công trình không phép là không có căn cứ, bởi lẽ, gia đình ông xây dựng nhà ở từ năm 2013 công khai, ngay tình. Thời điểm năm 2013, khi gia đình xây dựng công trình trên đất các cơ quan chức năng tại địa phương không có thông báo hay có hành vi nào ngăn chặn hay xử phạt hành chính đối với gia đình ông, cho đến năm 2018 gia đình ông mới nhận được các thông báo đề nghị tháo dỡ công trình của UBND thành phố Đ.

Tại Quyết định số 23, Phó Chủ tịch UBND thành phố Đ đã căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số 08/BB-VPHC ngày 04/5/2019. Tuy nhiên, gia đình

ông T, bà D không biết và không được ký tên trong biên bản vi phạm hành chính này. Ngoài ra, tại các Thông báo yêu cầu tự tháo dỡ công trình trên đất UBND thành phố Đ đã ghi không đúng tên người sử dụng đất và chủ tài sản trên đất. Tài sản thuộc sở hữu của gia đình bà D nhưng UBND thành phố Đ lại yêu cầu ông Vũ Xuân X thực hiện tháo dỡ, gia đình bà D không biết ông X là ai. Nội dung thông báo của UBND thành phố Đ đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông.

Việc UBND thành phố Đ cho rằng công trình xây dựng nhà ở của gia đình ông ảnh hưởng đến việc giải phóng mặt bằng khu đô thị mới E là không có căn cứ, không đúng quy định của pháp luật. Hiện nay, các hộ dân trên địa bàn tổ dân phố 05, phường T đều có chung mục đích sử dụng đất (đất trồng cây lâu năm), cùng nằm trong cùng một dự án nhưng UBND thành phố Đ chỉ thông báo tháo dỡ và quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả cho một số hộ dân là không khách quan.

Do đó, ông T nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà D, đề nghị TAND tỉnh Điện Biên xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D.

Tại Văn bản nêu ý kiến ngày 23/4/2020 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ Xuân X trình bày:

Năm 2014, con gái ông X là chị Vũ Thị K có ký kết hợp đồng cho thuê nhà xưởng với bà Lê Thị D tại tổ dân phố 05, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên với mục đích làm quán bán hàng, thời hạn thuê là 03 năm kể từ ngày 15/02/2014 đến ngày 15/02/2017. Nhà cho thuê do bà D đã xây dựng sẵn (Nhà xây cấp 4, chiều dài mặt tiền là 8m và có hệ thống tường, điện, nước đầy đủ). Năm 2016, do có công việc cá nhân nên chị K đã nhờ ông X đến trông hộ căn nhà đó. Trong thời gian ông X trông hộ nhà, ngày 27/12/2016, có Đoàn kiểm tra liên ngành đến kiểm tra công tác quản lý xây dựng đô thị đối với ngôi nhà trên. Quá trình kiểm tra, đoàn công tác đã yêu cầu ông X ký tên trong biên bản. Tuy nhiên, các công trình xây dựng được nêu trong biên bản đều không thuộc quyền sở hữu của chị K và ông X chỉ là người trông hộ, không phải là chủ đầu tư xây dựng công trình trên đất.

Việc CNQSDĐ giữa ông H với bà D và việc bà D xây dựng công trình trên đất ông X không biết. Trong thời gian thuê nhà, chị K có lắp thêm mái tôn, tuy nhiên, khi kết thúc hợp đồng thuê, chị K đã dỡ hết mái tôn và trả lại nguyên trạng nhà cho bà D.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà D, ông X đề nghị TAND tỉnh Điện Biên xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Biên bản làm việc ngày 13/3/2020 ông Đàm Văn Q, Tổ trưởng tổ dân phố 5, phường T, thành phố Đ trình bày như sau:

Việc gia đình bà Lê Thị D sử dụng đất nhận khoán trồng cây cà phê của ông Vũ Tiến H. Sau đó bà D xây dựng nhà ở tại thửa đất này ông Q không biết và ông Q không biết việc xây dựng có hợp pháp hay không. Khi ông H chuyển nhượng đất cho bà D và các bên bàn giao đất cho nhau ông Q cũng không được chứng kiến. Trong thời gian làm trưởng phố, ông Q không được tham gia cùng

các đoàn kiểm tra của các cơ quan, tổ chức về việc kiểm tra quản lý trật tự xây dựng tại tổ dân phố 05, phường T. Tuy nhiên, khi các cơ quan chuyên môn của UBND thành phố Đ và UBND phường T đến kiểm tra hiện trạng sử dụng đất và xây dựng công trình trên đất, ông có được tham gia. Tại phiên làm việc này, đã tiến hành lập BBVPHC đối với hộ gia đình bà Lê Thị D; bà D không có mặt tại công trình vi phạm nên không có chữ ký của bà D trong BBVPHC. Ông Q không được UBND thành phố Đ và UBND phường T giao nhiệm vụ gửi BBVPHC đến bà Lê Thị D, cũng không niêm yết biên bản này tại tổ dân phố 05. UBND phường và tổ dân phố cũng không họp thông báo đến các hộ gia đình vi phạm (trong đó có hộ gia đình bà Lê Thị D).

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị D, bà D sử dụng đất và công trình trên đất không đúng quy định, đề nghị TAND tỉnh Điện Biên giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản làm việc ngày 13/3/2020, đại diện UBND phường T trình bày:

Hộ gia đình bà Lê Thị D có công trình xây dựng trên đất nhận khoán của Công ty thuộc đất quy hoạch Dự án: Xây dựng khu đô thị mới E. Phó Chủ tịch UBND thành phố Đ ban hành Quyết định số 23 và Quyết định số 29 đối với công trình xây dựng vi phạm của gia đình bà Lê Thị D nhưng bà D không tự nguyện chấp hành và khởi kiện lên Tòa án yêu cầu hủy các Quyết định trên.

Trong quá trình thực hiện công vụ UBND phường T đã phối hợp cùng đoàn công tác lập Biên bản kiểm tra công tác quản lý trật tự xây dựng đô thị trên địa bàn phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên vào ngày 27/12/2016. Tại buổi làm việc này, đoàn công tác đã lập biên bản với chủ công trình là ông Vũ Xuân X, ông X có tham gia và ký tên trong biên bản này. Đoàn công tác lập biên bản xác định chủ công trình xây dựng trên đất là ông X, bởi: Vào ngày 20/01/2014, bà Lê Thị D cho chị Vũ Thị K thuê thửa đất trên (Các bên có hợp đồng thuê nhà xưởng), sau khi ký kết hợp đồng thuê đất, chị K nhận đất nhưng không trực tiếp quản lý thửa đất mà giao cho ông X (là bố đẻ của chị K) quản lý thay. Do đó, vào thời điểm năm 2016, ông X là người trực tiếp quản lý, sử dụng đất và công trình trên đất.

Đến ngày 03/5/2019, UBND phường T đã phối hợp với UBND thành phố Đ lập BBVPHC số 08/BB-VPHC đối với bà Lê Thị D, tại buổi làm việc này bà D không có mặt nên không có chữ ký của bà D trong Biên bản. Sau đó UBND phường T đã phối hợp với cơ quan chuyên môn của UBND thành phố Đ đến nơi có công trình vi phạm để giao Biên bản vi phạm này cho bà D nhưng bà D không có mặt tại công trình vi phạm nên không thể giao BBVPHC cho bà D. Ngày 07/5/2019, UBND phường T đã tiến hành niêm yết công khai tại trụ sở UBND phường BBVPHC trên. Quan điểm của UBND phường: Gia đình bà Lê Thị D sử dụng đất không hợp pháp, xây dựng công trình trên đất nông nghiệp, không có giấy phép xây dựng là vi phạm quy định về sử dụng đất và xây dựng công trình trên đất.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc

giải quyết vụ án. Tại phiên đối thoại ngày 11/02/2020 các đương sự có ý kiến như sau:

- Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông T cho rằng: Bà D xây dựng công trình trên đất không vi phạm trật tự xây dựng, việc quản lý xây dựng của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và chính quyền địa phương còn lỏng lẻo. Trong quá trình xây dựng và sử dụng công trình xây dựng từ năm 2013, nhưng đến năm 2019 mới bị lập biên bản vi phạm, do đó, bà D không nhất trí việc tháo dỡ công trình như các quyết định hành chính của Chủ tịch UBND thành phố Đ. Đề nghị Nhà nước cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng loại đất đã được quy hoạch và được thỏa thuận bồi thường về tài sản trên đất với Doanh nghiệp là chủ đầu tư dự án.

- Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện ông Phạm Văn S có ý kiến: Bà D xây dựng nhà ở và công trình trên đất tại tổ dân phố 05, phường T là sai mục đích sử dụng, vi phạm quy định về xây dựng nhà ở đơn lẻ; theo quy hoạch của UBND tỉnh Điện Biên diện tích đất của gia đình bà D thuộc Khu đô thị E, nên đề nghị của bà về việc cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng đất là không có cơ sở chấp nhận. Đối với đề nghị được thương thảo với Doanh nghiệp thực hiện dự án, theo quy định của Luật đất đai đây là dự án do Nhà nước thực hiện thu hồi đất và bồi thường giải phóng mặt bằng, mặt khác, hiện nay chưa có mặt bằng sạch để thực hiện dự án nên cấp có thẩm quyền chưa tiến hành lựa chọn Nhà đầu tư. Bà D yêu cầu được bồi thường về tài sản đã xây dựng trên đất là không có căn cứ, vì tài sản đó được tạo lập không hợp pháp, nên không được xem xét bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất.

Kết quả đối thoại: Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; đại diện người bị kiện cho rằng yêu cầu khởi kiện không có căn cứ nên không chấp nhận, giữ nguyên các quyết định hành chính bị khiếu kiện.

***Tại phiên tòa, ông Đặng Văn C là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày*:**

- Tính pháp lý liên quan đến nguồn gốc đất: Trước đây diện tích đất của bà D nhận chuyển nhượng từ ông H là đất trồng cây lâu năm. Khi nhận chuyển nhượng vào năm 2013 hai bên đã có giấy viết tay, ông H nhận tiền, bà D nhận đất và sử dụng từ đó cho đến nay, đất không có tranh chấp với ai. Nếu Quyết định hành chính của UBND thành phố Đ áp dụng đối với bà D từ năm 2013 thì đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, đến năm 2014 khu vực đất này được cấp có thẩm quyền quy hoạch vào đất ở, nên gia đình bà D được quyền chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở là đúng quy định của pháp luật.

- Tính pháp lý của các quyết định hành chính đã ban hành: Nếu Biên bản vi phạm hành chính số 08 được lập vào năm 2013 thì có cơ sở để ra các Quyết định hành chính sau đối với bà D. Tuy nhiên, BBVPHC lại lập vào năm 2019 mà ra Quyết định số 23 là không đúng.

- Về trình tự, thủ tục không tuân thủ Điều 58 của Luật xử lý vi phạm hành chính: BBVPHC số 08 ngày 03/5/2019 không giao cho người vi phạm (tức là bà D), chỉ niêm yết tại UBND phường T là không hợp lệ. Trong khi đó, UBND thành phố đã có thông báo số 103 và số 189 yêu cầu bà D tự tháo dỡ công trình vi phạm từ tháng 01, tháng 02 năm 2019 mà đến tháng 5 năm 2019 mới lập BBVPHC là không đúng quy định của pháp luật.

Như vậy, các Quyết định số 23, Quyết định số 29 và Quyết định số 1055 của UBND thành phố Đ là không hợp pháp. Đề nghị TAND tỉnh Điện Biên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị D hủy các quyết định trên.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về trình tự tố tụng: Thẩm phán, thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của luật tố tụng hành chính và pháp luật có liên quan.

- Về nội dung giải quyết vụ án: BBVPHC số 08 ngày 03/5/2019 chưa được giao cho người vi phạm theo quy định của Luật XLVPHC nhưng UBND thành phố Đ lại dùng làm căn cứ để ban hành Quyết định số 23 về việc khắc phục hậu quả đối với bà Lê Thị D là chưa hợp pháp. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu của bà Lê Thị D, hủy các Quyết định số 23, Quyết định số 29 và Quyết định số 1055 theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở đánh giá đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của các đương sự và những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng

Tại phiên tòa, người bị kiện, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án nhân dân (Sau đâu viết tắt là: TAND) tỉnh Điện Biên triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng đều vắng mặt và đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 157 và khoản 1 Điều 158 của Luật tố tụng hành chính (sau đây viết tắt là: LTTHC), Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo luật định.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết

Đối tượng khởi kiện của vụ án là các Quyết định số 1055, Quyết định số 23 và Quyết định số 29 do Chủ tịch UBND thành phố Đ ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 4 Điều 32 của LTTHC.

Bà Lê Thị D cho rằng các Quyết định trên là trái pháp luật và đã tác động trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà, nên bà D có quyền khởi kiện vụ án hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 115 của LTTHC.

[3]. Về thời hiệu khởi kiện

Ngày 24/01/2019, UBND thành phố Đ ban hành Thông báo số 103/TB-UBND đối với ông Vũ Xuân X, yêu cầu ông X tự tháo dỡ công trình đã xây dựng tại khu đất thuộc tổ dân phố 05, phường T, thành phố Đ để bàn giao mặt bằng cho dự án khu đô thị mới E. Thời gian thực hiện 15 ngày kể từ ngày gửi thông báo (lần 01).

Ngày 19/02/2019, UBND thành phố Đ tiếp tục ban hành Thông báo số 189/TB-UBND về việc thực hiện tự tháo dỡ công trình, xây dựng trên đất thuê của Nhà nước đối với ông Vũ Xuân X. Thời gian thực hiện 10 ngày kể từ ngày gửi thông báo (Lần 02).

Ngày 18/3/2019, bà Lê Thị D và ông Vũ Ngọc T làm đơn khiếu nại đề nghị UBND thành phố Đ xem xét lại các thông báo trên vì tài sản không phải là của ông X mà là của bà Lê Thị D.

Ngày 28/8/2019, Chủ tịch UBND thành phố Đ ban hành Quyết định số 1055 về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị D và ông Vũ Ngọc T (lần đầu) với nội dung: Giữ nguyên nội dung Thông báo số 103/TB-UBND và Thông báo số 189/TB-UBND của UBND thành phố Đ.

Ngày 12/9/2019, Phó chủ tịch UBND thành phố Đ ban hành Quyết định số 23 về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm hành chính gây ra là: Bà Lê Thị D đã tổ chức thi công xây dựng công trình *(nhà ở riêng lẻ tại đô thị)* không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có giấy phép xây dựng nhà ở trên đất nông nghiệp làm ảnh hưởng đến giải phóng mặt bằng khu đô thị mới E. Biện pháp khắc phục hậu quả phải thực hiện: Tháo dỡ công trình xây dựng vi phạm của bà Lê Thị D tại tổ 05, phường T, thành phố Đ.

Ngày 09/10/2019, Chủ tịch UBND thành phố Đ ban hành Quyết định số 29 về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả tháo dỡ công trình xây dựng vi phạm đối với bà Lê Thị D.

Ngày 15/10/2019, bà D khởi kiện vụ án hành chính; ngày 28/10/2019, bà D sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy các Quyết định hành chính trên là nằm trong thời hiệu khởi kiện được quy định tại điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 116 của LTTHC.

Căn cứ vào mục 5 phần V của Giải đáp pháp luật số 01/2017/GĐ-TANDTC, ngày 07/4/2017 của TAND tối cao về giải đáp một số vấn đề nghiệp vụ, Hội đồng xét xử xem xét tất cả các quyết định có liên quan như: Thông báo số 103/TB-UBND ngày 24/01/2019, Thông báo số 189/TB-UBND ngày 19/02/2019 của UBND thành phố Đ.

[4]. **Về nội dung**: Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị D, đánh giá tính hợp pháp của Quyết định hành chính là đối tượng khởi kiện của vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[4.1]. Về nguồn gốc nhà, đất do bà Lê Thị D đang quản lý, sử dụng tại tổ dân phố 05, phường T, thành phố Đ:

Diện tích đất 518m^2 cùng ngôi nhà do bà D đang quản lý, sử dụng tại tổ dân phố 05, phường T, thành phố Đ có nguồn gốc là do bà D nhận chuyển nhượng từ ông H trong tổng diện tích 0,24 ha mà ông H thuê khoán của Công ty với mục đích trồng cây cà phê, thời hạn giao khoán đất là 50 năm (photo kèm theo Hợp đồng số 78). Nội dung Hợp đồng số 78 chỉ cho phép ông H sử dụng 100m^2 để làm lán tạm cất giữ dụng cụ, vật tư sản xuất, ông H không được tự ý CNQSDĐ trên cho người khác khi chưa được sự đồng ý của Giám đốc Công ty. Quá trình sử dụng đất ông H đã tự ý chia cắt ra nhiều mảnh để chuyển nhượng cho những người khác, trong đó, có bà Lê Thị D mà không có sự đồng ý của Công ty và cũng không thông qua chính quyền địa phương chứng thực hoặc công chứng theo luật định.

Như vậy, trước khi nhận chuyển nhượng đất bà D đã biết rõ mảnh đất 518m^2 là đất của Công ty do ông H thuê 50 năm để trồng cây lâu năm, ông H không được phép chuyển nhượng cho ai, nhưng ông H, bà D vẫn cố tình chuyển nhượng cho nhau. Việc chuyển nhượng không theo các quy định tại khoản 2 Điều 689 của Bộ luật Dân sự năm 2005, điểm b khoản 1 Điều 127 của Luật đất đai năm 2003, Điều 188 của Luật đất đai năm 2013.

Quá trình sử dụng đất bà D đã tự ý xây dựng nhà trên đất nông nghiệp mà không được phép của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền như: Nhà xây tường 220, mái lợp tôn, nền lát gạch men diện tích 143,21m^2 theo *Biên bản kiểm tra hiện trạng trật tự xây dựng đô thị trên địa bàn phường T lập ngày 03/5/2019* (BL số 242).

Ngày 27/12/2016, Đoàn kiểm tra liên ngành theo Quyết định số 1559/QĐ-SXD ngày 13/12/2016 của Giám đốc Sở Xây dựng tỉnh Điện Biên đã lập *Biên bản kiểm tra số 05/BBKT-ĐLN về công tác quản lý trật tự xây dựng đô thị tại địa bàn phường T, thành phố Đ* với nội dung ông Vũ Xuân X xây dựng công trình vi phạm, bao gồm: Nhà ở + bán bia tường 110cm diện tích 117,12m^2, mái lợp tôn, vì kèo xà gỗ thép, trần nhựa, nền gạch hoa xi măng; nhà bếp tường 110cm, diện tích 32,8m^2, cửa đi, cửa sổ khung nhôm kính, trần nhựa, nền lát gạch; khu bán bia khung thép, vì kèo xà gỗ thép, mái lợp tôn, nền lát gạch lá dừa có diện tích 130,98m^2; khu bán mái diện tích 36,48m^2 khung thép, xà gỗ thép, mái lập tôn, nền láng xi măng có ký xác nhận của ông Vũ Xuân X (BL số 231 đến 233).

Ngày 24/01/2019, UBND thành phố Đ ban hành Thông báo số 103/TB-UBND về việc thực hiện tự tháo dỡ công trình xây dựng trên đất thuê của Nhà nước với nội dung: Yêu cầu ông Vũ Xuân X tháo dỡ công trình nhà ở, công trình phụ xây dựng tại tổ dân phố 5, phường T nhưng ông X không chấp hành.

Ngày 19/02/2019, UBND thành phố Đ tiếp tục ban hành Thông báo số 189/TB-UBND về việc yêu cầu ông X thực hiện tự tháo dỡ công trình xây dựng trên đất thuê của Nhà nước (lần 02).

Ngày 18/3/2019, bà Lê Thị D và ông Vũ Ngọc T làm đơn khiếu nại đề nghị UBND thành phố Đ xem xét lại các thông báo trên vì tài sản không phải là của ông X mà là của bà Lê Thị D. Sau khi xác minh có cơ sở kết luận rằng các tài

sản mà UBND thành phố Đ yêu cầu ông X tự tháo dỡ là của gia đình bà Lê Thị D.

[4.2]. Về tính hợp pháp và thẩm quyền ban hành các Quyết định số 23, Quyết định số 29 và Quyết định số 1055:

** Xét tính hợp pháp của các quyết định hành chính bị khởi kiện:*

- Đối với Quyết định số 23 và Quyết định số 29: Căn cứ vào *Quyết định số 452/QĐ-UBND ngày 19/6/2014 của UBND tỉnh Điện Biên về việc thu hồi đất của Công ty tại địa bàn phường T, thành phố Đ giao cho UBND thành phố Đ tiếp nhận, quản lý, sử dụng theo quy hoạch*; căn cứ vào *Báo cáo số 181/BC-UBND ngày 28/8/2014 của UBND thành phố Đ về việc báo cáo kết quả triển khai thực hiện Quyết định số 452/QĐ-UBND, ngày 19/6/2014 của UBND tỉnh Điện Biên* có nội dung: Nhận bàn giao trên thực địa và nhận hồ sơ tài liệu giữa UBND thành phố Đ với Công ty, trong đó, có danh sách hộ ông Vũ Tiến H nhận khoán đất của Công ty theo Hợp đồng số 78 và danh sách các hộ thực tế đang sử dụng đất, trong đó, có hộ bà Lê Thị D (các BL số 202, 207, 218).

Ngày 03/5/2019, Đội quản lý trật tự đô thị thành phố Đ phối kết hợp với địa chính - xây dựng phường T tiến hành lập BBVPHC số 08/BB-VPHC đối với bà Lê Thị D về hành vi: "*Tổ chức thi công xây dựng công trình (nhà ở riêng lẻ tại đô thị) không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có giấy phép, xây dựng nhà ở trên đất nông nghiệp đã được quy hoạch làm khu đô thị, làm ảnh hưởng đến việc giải phóng mặt bằng khu đô thị mới E"* được quy định tại điểm b khoản 5 Điều 15 Nghị định 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ là có căn cứ.

Ngày 12/9/2019, Phó Chủ tịch UBND thành phố Đ ban hành Quyết định số 23 về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả: Tháo dỡ công trình xây dựng vi phạm của bà Lê Thị D vì đã xây dựng công trình không có giấy phép xây dựng, xây dựng nhà ở trên đất nông nghiệp đã được quy hoạch khu đô thị làm ảnh hưởng đến việc giải phóng mặt bằng.

Ngày 16/9/2019, bà D nhận được Quyết định số 23 nhưng không tự nguyện thực hiện mà khiếu nại quyết định trên đến các cơ quan có thẩm quyền, tuy nhiên, đơn khiếu nại của bà D không đủ điều kiện thụ lý, giải quyết.

Trong quá trình ban hành Quyết định cưỡng chế thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, Chủ tịch UBND thành phố Đ có ban hành *Quyết định số 29/QĐ-CCKPHQ ngày 29/10/2019 về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả*. Nhưng do sơ xuất trong quá trình soạn thảo văn bản nên đã ghi nhầm ngày 09/10/2019 thành ngày 29/10/2019. Cho nên, Chủ tịch UBND thành phố Đ đã ban hành *Quyết định số 30/QĐ-HBCCKPHQ về việc hủy bỏ Quyết định số 29/QĐ-CCKPHQ ngày 29/10/2019 của Chủ tịch UBND thành phố Đ về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả* là hợp pháp, đúng quy định tại khoản 3 Điều 18 của Luật XLVPHC năm 2012.

Ngày 09/10/2019, Chủ tịch UBND thành phố tiếp tục ban hành Quyết định số 29 về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, cụ thể:

Tháo dỡ công trình xây dựng vi phạm của bà Lê Thị D. Bà D nhận Quyết định số 29 vào ngày 14/10/2019 nhưng không thực hiện.

Như vậy, hành vi xây dựng nhà không có giấy phép, xây dựng trên đất nông nghiệp của bà D đã kết thúc từ năm 2013, nhưng đến năm 2019 mới lập BBVPHC. Tính từ ngày hành vi vi phạm kết thúc đến ngày ra Quyết định đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính (2 năm) theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 của Luật XLVPHC. Do đó, UBND thành phố Đ không ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính mà ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả (buộc tháo dỡ công trình xây dựng không có giấy phép) là hoàn toàn phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 28 của Luật XLVPHC.

Do bà D không tự nguyện thực hiện việc tháo dỡ công trình xây dựng theo quy định tại Điều 73 của Luật XLVPHC, nên Chủ tịch UBND thành phố Đ ban hành Quyết định số 29 về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là đúng quy định tại Điều 86, Điều 87 Luật XLVPHC và Điều 33 Nghị định 166/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Từ phân tích trên, có đủ cơ sở khẳng định các Quyết định số 23 và Quyết định số 29 đều hợp pháp về nội dung.

- Đối với Quyết định số 1055: Trước khi ban hành Quyết định số 1055 thì UBND thành phố Đ đã ban hành Thông báo số 103/TB-UBND ngày 24/01/2019 (lần 1) và Thông báo số 189/TB-UBND ngày 19/02/2019 (lần 2) yêu cầu ông Vũ Xuân X tự tháo dỡ công trình vi phạm là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục và quy trình xử lý về trật tự xây dựng.

Tuy nhiên, như đã phân tích ở trên thì Thông báo số 103 và Thông báo số 189 lại thông báo cho ông Vũ Xuân X. Căn cứ Hợp đồng cho thuê nhà xưởng ngày 20/01/2014 giữa bà Lê Thị D với chị Vũ Thị K (con gái ông X) có xác nhận của UBND phường A (BL số 49 đến 51), cùng với lời khai của các bên đã xác định chủ đầu tư xây dựng công trình vi phạm là bà Lê Thị D. Từ Thông báo số 103 và Thông báo số 189 sai về người vi phạm, dẫn đến Quyết định số 1055/QĐ-UBND ngày 28/8/2019 của Chủ tịch UBND thành phố Đ là không hợp pháp về mặt nội dung.

** Xét thẩm quyền ban hành các quyết định hành chính*

- Đối với Quyết định số 1055: Ngày 09/8/2019, Chủ tịch UBND thành phố Đ ban hành *Văn bản số 1063/UBND-VP về việc ủy quyền và ký Quyết định giải quyết khiếu nại của công dân* (bà Lê Thị D) cho ông Phạm Văn S, chức vụ: Phó chủ tịch. Ngày 28/8/2019, ông Phạm Văn S đã ký Quyết định số 1055 về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị D, ông Vũ Ngọc T (lần đầu) là đúng thẩm quyền.

- Đối với Quyết định số 23: Ngày 09/8/2019 Chủ tịch UBND thành phố Đ ban hành *Quyết định số 19/QĐ-GQXP về việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính* cho ông Phạm Văn S, chức vụ: Phó chủ tịch. Do đó, ông Phạm Văn S ký ban hành Quyết định số 23 là đúng thẩm quyền.

- Đối với Quyết định số 29: Chủ tịch UBND thành phố Đ ký là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 38, khoản 1 Điều 87 của Luật xử lý vi phạm hành chính.

[4.3]. Về trình tự, thủ tục ban hành và hình thức của các Quyết định hành chính:

** Về trình tự, thủ tục ban hành và hình thức của Quyết định số 23 và Quyết định số 29:*

Hồi 9 giờ 17 phút, ngày 03/5/2019, Đội quản lý trật tự đô thị thành phố Đ phối kết hợp với địa chính - xây dựng phường T lập BBVPHC số 08/BB-VPHC đối với bà Lê Thị D về hành vi: "*Tổ chức thi công xây dựng công trình không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có giấy phép xây dựng*". Tại thời điểm lập BBVPHC, bà D không có mặt tại công trình vi phạm nên biên bản không có chữ ký của bà D. Tuy nhiên, có đại diện chính quyền cơ sở là ông Đàm Văn Q - Tổ trưởng tổ dân phố 5 và ông Lò Văn N - Cán bộ mặt trận phường T có mặt khi lập biên bản đã ký vào biên bản vi phạm. Như vậy, BBVPHC đảm bảo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 58 Luật XLVPHC năm 2012.

Sau khi lập BBVPHC số 08/BB-VPHC, ngày 03/5/2019 do bà D không có mặt tại thời điểm lập biên bản vi phạm và chưa giao được BBVPHC cho bà D. Lẽ ra, BBVPHC đó phải được niêm yết công khai tại tổ dân phố (nơi bà D đăng ký hộ khẩu thường trú) mới đảm bảo quyền được nhận BBVPHC của bà D theo quy định tại khoản 3 Điều 58 Luật xử lý vi phạm hành chính. Việc niêm yết BBVPHC số 08/BB-VPHC, ngày 03/5/2019 tại trụ sở UBND phường T không phải là căn cứ để xác định bà D đã nhận được BBVPHC theo quy định của Luật XLVPHC.

Trong khi đó, Quyết định số 23 lại căn cứ vào BBVPHC số 08/BB-VPHC lập hồi 9 giờ 25 phút ngày 04/5/2019 để ban hành Quyết định số 23. Song, tất cả các tài liệu, chứng cứ do người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và Tòa án thu thập đều không có **"BBVPHC số 08/BB-VPHC lập hồi 9 giờ 25 phút ngày 04/5/2019"**. Chỉ có BBVPHC số 08/BB-VPHC lập hồi 09 giờ 17 phút ngày 03/5/2019.

Ngày 09/10/2019, Chủ tịch UBND thành phố Đ ban hành Quyết định số 29 về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả trên cơ sở Quyết định số 23; bà D có thời gian tự nguyện tháo dỡ là 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định. Ngày 14/10/2019, bà D nhận được quyết định trên nhưng không ký vào biên bản giao, nên Quyết định này đã được niêm yết công khai tại trụ sở UBND phường A, thành phố Đ.

Như vậy, việc giao nhận BBVPHC là một trong những căn cứ để Chủ tịch UBND thành phố Đ ban hành Quyết định số 23 về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là chưa đảm bảo quyền của người vi phạm theo quy định tại khoản 3 Điều 58 của Luật XLVPHC năm 2012. Căn cứ vào BBVPHC để ban hành Quyết định số 23 không đúng với thực tế của BBVPHC đã lập. Do đó, trình tự ban hành các Quyết định số 23 và Quyết định số 29 chưa hợp pháp về mặt trình tự, thủ tục ban hành.

Các Quyết định số 23 và Quyết định số 29 đều được ban hành đúng hình thức được quy định tại các Điều 28, khoản 2 Điều 65, Điều 85, Điều 86, Điều 87 của Luật XLVPHC năm 2012; Điều 33 của Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 22/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính; phù hợp với biểu mẫu số 10 và biểu mẫu số 13 ban hành kèm theo Nghị định 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật XLVPHC. Do đó, khẳng định các quyết định trên hợp pháp về hình thức.

** Về trình tự, thủ tục ban hành và hình thức Quyết định số 1055:*

Ngày 18/3/2019, bà Lê Thị D làm đơn khiếu nại *Thông báo số 103/TB-UBND ngày 24/01/2019 về việc thực hiện tự tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng trên đất thuê của nhà nước* và *Thông báo số 189/TB-UBND ngày 19/02/2019 của UBND thành phố Đ* đến UBND thành phố, cùng ngày UBND thành phố Đ đã nhận được đơn khiếu nại của bà D.

Ngày 01/4/2019, UBND thành phố Đ ban hành *Thông báo về việc thụ lý giải quyết đơn khiếu nại lần đầu số 431/TB-UBND*. Cùng ngày, UBND thành phố Đ ban hành *Quyết định số 359/QĐ-UBND về việc giao nhiệm vụ xác minh nội dung khiếu nại của công dân*. Căn cứ Quyết định số 359/QĐ-UBND, người được giao nhiệm vụ xác minh khiếu nại đã tiến hành xác minh nội dung khiếu nại của bà D và ban hành *Báo cáo kết quả xác minh số 16/BC-TP ngày 28/6/2019*. Ngày 23/8/2019, UBND thành phố tiến hành đối thoại với bà D, tuy nhiên, bà D không chấp nhận kết quả xác minh; trên cơ sở xác minh và đối thoại Chủ tịch UBND thành phố Đ ban hành quyết định giải quyết khiếu nại đối với đơn khiếu nại của bà Lê Thị D, ông Vũ Ngọc T. Trình tự, thủ tục ban hành quyết định giải quyết khiếu nại của UBND thành phố Đ được thực hiện đúng quy định tại các Điều 50, Điều 52, Điều 53 của Luật khiếu nại năm 2011.

Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu do Chủ tịch UBND thành phố Đ ban hành đảm bảo hình thức được quy định tại Điều 54 của Luật khiếu nại năm 2011.

[4.4]. Tính hợp pháp về thời hạn, thời hiệu ban hành các quyết định hành chính bị kiện:

Ngày 18/3/2019, bà Lê Thị D làm đơn khiếu nại *Thông báo số 103/TB-UBND ngày 24/01/2019 về việc thực hiện tự tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng trên đất thuê của nhà nước* và *Thông báo số 189/TB-UBND ngày 19/02/2019 của UBND thành phố Đ đến UBND thành phố*; ngày 01/4/2019, đơn khiếu nại của bà D được thụ lý, ngày 28/8/2019 Chủ tịch UBND thành phố Đ ban hành quyết định giải quyết khiếu nại, việc thụ lý và giải quyết khiếu nại của bà D được thực hiện đúng thời hạn quy định tại Điều 50 của Luật khiếu nại.

Ngày 12/9/2019, Phó Chủ tịch UBND thành phố Đ ban hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả khi đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về trật tự xây dựng đối với bà Lê Thị D là đúng quy định về thời hạn, thời

hiệu ban hành quyết định quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 6, khoản 2 Điều 66 của Luật xử lý vi phạm hành chính; Điều 5 Nghị định 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng. Ngày 09/10/2019, Chủ tịch UBND thành phố Đ ban hành Quyết định số 29 cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp phắc phục hậu quả đối với bà D.

Như vậy, việc ban hành các Quyết định hành chính trên là đúng thời hạn, thời hiệu theo quy định tại khoản 2 Điều 65, khoản 2 Điều 66 của Luật xử phạt vi phạm hành chính; Điều 50 của Luật khiếu nại.

[4.5] Mối liên hệ giữa quyết định hành chính với quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện và người có liên quan:

Các Quyết định số 23, Quyết định số 29 bị khởi kiện đều hợp pháp về nội dung thẩm quyền, hình thức, tuy nhiên, trình tự, thủ tục ban hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả chưa hợp pháp; Quyết định giải quyết khiếu nại hợp pháp về trình tự, thủ tục, thẩm quyền và hình thức, tuy nhiên, nội dung quyết định chưa hợp pháp đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện.

[4.6]. Về ý kiến của ông Đặng Văn C tại phiên tòa:

Về tính pháp lý liên quan đến nguồn gốc đất: Khi bà D nhận chuyển nhượng đất từ ông H hai bên chỉ có làm giấy viết tay không có xác nhận của chính quyền địa phương, không được sự đồng ý của giám đốc Công ty. Khi viết giấy chuyển nhượng cho nhau giữa ông H với bà D, ông H có photo Hợp đồng số 78 cho bà D (thể hiện tại văn bản bà D cung cấp cùng với đơn khởi kiện). Hơn nữa, diện tích đất 518m^2 chưa được cấp giấy chứng quyền sử dụng đất mang tên bà D. Nếu khu đất đó đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy hoạch từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở thì bà D cũng phải tuân thủ theo trình tự, thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai thì mới được quyền xây dựng nhà ở trên đất đó.

Tuy nhiên, như đã phân tích tại mục [4.3] nêu trên về mặt trình tự thủ tục giao nhận BBVPHC cho bà D chưa đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 58 của Luật XLVPHC năm 2012. Do vậy, chấp nhận đề nghị ông C về việc hủy các Quyết định số 23, Quyết định số 29 và Quyết định số 1055 của UBND thành phố Đ.

[4.7]. Ý kiến của Đại diện VSKND tỉnh Điện Biên tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4.8]. Vấn đề bồi thường thiệt hại và vấn đề khác: Không có.

Từ những phân tích và đánh giá nêu trên, có đủ cơ sở khẳng định:

- Quyết định số 23 về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả và Quyết định số 29 về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là hợp pháp về hình thức và nội dung, có căn cứ pháp lý, đúng thẩm quyền, đúng thời hạn. Tuy nhiên, việc căn cứ vào BBVPHC để ban hành Quyết định số 23,

về trình tự thủ tục giao nhận BBVPHC chưa đảm bảo quy định của pháp luật, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện.

- Đối với Quyết định số 1055 về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) hợp pháp về hình thức, đúng thẩm quyền, đúng thời hạn. Tuy nhiên, do các thông báo số 103, Thông báo số 189 xác định sai về người vi phạm nhưng Quyết định số 1055 lại giữ nguyên các thông báo trên, dẫn đến nội dung của Quyết định số 1055 đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lê Thị D.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị D về việc yêu cầu hủy các Quyết định số 23 và Quyết định số 29 và Quyết định số 1055 có căn cứ chấp nhận.

[5]. Về quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời:

Ngày 31/10/2019, TAND tỉnh Điện Biên đã ban hành Quyết định số 03/2019/QĐ-BPKCTT về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời tạm thời: Đình chỉ thi hành Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 29/QĐ-CCKPHQ, ngày 09/10/2019 của Chủ tịch UBND thành phố Đ. Do vụ án đã được giải quyết nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 74 Luật tố tụng hành chính Hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/QĐ-BPKCTT ngày 31/10/2019 của TAND tỉnh Điện Biên.

[6]. Trường hợp có tranh chấp về giao dịch dân sự liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 05/11/2013 giữa ông H với bà D thì sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự khác nếu phát sinh yêu cầu khởi kiện.

[7]. Về án phí hành chính sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của bà D được chấp nhận nên bà D không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm; Chủ tịch UBND thành phố Đ phải chịu 300.000đồng án phí hành chính sơ thẩm theo quy định tại Điều 348 của Luật tố tụng hành chính.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm c khoản 2 Điều 74; điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 204, khoản 1 Điều 206, khoản 1 Điều 348 Luật tố tụng Hành chính;

Căn cứ vào điểm a, điểm b khoản 1 Điều 6; điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 28; điểm đ khoản 2 Điều 38, Điều 54, Điều 58, điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 65; khoản 2 Điều 66, Điều 70, điểm a khoản 1 Điều 87 Luật xử lý vi phạm Hành chính năm 2012;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 127 Luật đất đai năm 2003; khoản 2 Điều 689 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 50, Điều 51, Điều 52, Điều 54 của Luật Khiếu nại năm 2011;

Căn cứ điểm d khoản 3 Điều 3; điểm b khoản 5 Điều 15; khoản 3 Điều 79 Nghị định 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ quy định về xử phạt

vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng; khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản làm vật liệu xây dựng; sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; kinh doanh bất động sản, phát triển nhà ở, quản lý sử dụng nhà và công sở; Biểu mẫu số 10 và biểu mẫu số 13 ban hành kèm theo Nghị định 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ;

Căn cứ các Điều 33 Nghị định 166 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 22/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

Căn cứ Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị D:

1.1. Hủy Quyết định số 1055/QĐ-UBND ngày 28/8/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị D và ông Vũ Ngọc T tổ dân phố 05, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (lần đầu);

1.2. Hủy Quyết định số 23/QĐ-KPHQ ngày 12/9/2019 của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả;

1.3. Hủy Quyết định số 29/QĐ-CCKPHQ ngày 09/10/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

2. Hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 03/QĐ-BPKCTT ngày 31 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

3. Về án phí: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Bà Lê Thị D được quyền kháng cáo bản án hành chính sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (20/7/2020). Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên; Công ty cổ phần chế biến nông sản Điện Biên; ông Vũ Tiến H, bà Nguyễn Thị Hòa, ông Vũ Ngọc T, ông Vũ Xuân X được quyền kháng cáo bản án hành chính sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Cục THADS tỉnh Điện Biên;
- UBND tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lương Tiến Phương